

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 33

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở thịt gà, hành tây, cà rốt, su su, xà lách búp, húng quế, hành lá
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá cam chiên sốt cà chua, hành lá
- Canh khoai lang nấu tôm khô, hành lá, ngò rí
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Bún bò huế (thịt bò, sả cây, củ cải, hạt cà ri, xà lách xoăn, nấm đùi gà, ngò gai, hành lá, ngò rí)
NT nhóm 2: Cháo thịt bò, khoai lang, nấm đùi gà

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	100	740	740
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	8,400	4,200
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
8	0645	Bánh phở khô	300	8,800	26,400
9	0089	Cà rốt	100	6,300	6,300
10	0121	Hành tây	100	3,570	3,570
11	0158	Rau húng	50	12,920	6,460
12	0172	Rau xà lách	100	9,140	9,140
13	0180	Su su	100	4,100	4,100
14	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
15	0087	Cà chua	400	7,670	30,680
16	0426	Tôm khô	100	78,100	78,100
17	0031	Khoai lang	800	4,200	33,600
18	0653	Bún khô	300	4,950	14,850
19	0103	Củ cải trắng	200	3,150	6,300
20	0635	Nấm đùi gà	100	11,450	11,450
21	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,510	3,255
22	0716	Cải dún (nhúng)	100	9,140	9,140
23	N0754	Sả cây	50	2,840	1,420
24	0286	Thịt bò loại II	500	36,750	183,750

25	0457	Sữa bột toàn phần	656.78	20,500	134,640
26	0455	Sữa chua	1,650	9,440	155,760
27	0622	Cá cam	2,300	15,120	347,760
Tổng cộng					1,221,000

Tổng tiền thực phẩm	1,221,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,221,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	4,810,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	4,810,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan